

Chi tiết mã HS 8525.50.00

Mã HS	8525.50.00
Mô tả hàng hóa	Thiết bị phát dùng cho phát thanh sóng vô tuyến hoặc truyền hình, có hoặc không gắn với thiết bị thu hoặc ghi hoặc tái tạo âm thanh; camera truyền hình, camera kỹ thuật số và camera ghi hình ảnh / - Thiết bị phát
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	31/10/2026 12:44:56
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85255000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15582
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15582
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15582
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14907
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14839
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14839
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14839
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14839
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14839
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14839
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14893
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14893

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14893
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14893
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14893
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14893
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14894
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14894
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14894
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14894
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14894
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14894
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14897
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14845
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14853
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14853
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14853
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14853
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14853
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14853
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14893
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14893
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14893
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14893
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14893
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14893
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14948
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14948

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14948
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14948
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14948
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14948
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14927
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14927
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14927
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14927
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14927
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14927
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14925
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14925
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14925
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14925
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14925
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14925
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14931
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14931
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14931
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14931
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14931
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14931
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14930
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14930
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14930
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14930

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14930
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14930
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14923
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14923
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14923
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14923
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14923
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14923
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14923
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14918
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14918
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14918
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14918
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14918
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14918
RCEP B	2022	2022	0	B!D14918
RCEP B	2023	2023	0	B!E14918
RCEP B	2024	2024	0	B!F14918
RCEP B	2025	2025	0	B!G14918
RCEP B	2026	2026	0	B!H14918
RCEP B	2027	2027	0	B!I14918
RCEP C	2022	2022	0	C!D14918
RCEP C	2023	2023	0	C!E14918
RCEP C	2024	2024	0	C!F14918
RCEP C	2025	2025	0	C!G14918
RCEP C	2026	2026	0	C!H14918

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I14918
RCEP D	2022	2022	0	D!D14917
RCEP D	2023	2023	0	D!E14917
RCEP D	2024	2024	0	D!F14917
RCEP D	2025	2025	0	D!G14917
RCEP D	2026	2026	0	D!H14917
RCEP D	2027	2027	0	D!I14917
RCEP E	2022	2022	0	E!D14921
RCEP E	2023	2023	0	E!E14921
RCEP E	2024	2024	0	E!F14921
RCEP E	2025	2025	0	E!G14921
RCEP E	2026	2026	0	E!H14921
RCEP E	2027	2027	0	E!I14921
RCEP F	2022	2022	0	F!D14918
RCEP F	2023	2023	0	F!E14918
RCEP F	2024	2024	0	F!F14918
RCEP F	2025	2025	0	F!G14918
RCEP F	2026	2026	0	F!H14918
RCEP F	2027	2027	0	F!I14918
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13896
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13896
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13896
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13896

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP mật mã dân sự XK, NK theo giấy phép (211/2025/NĐ-CP)		211/2025/NĐ-CP	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)		11/2018/TT-BTTTT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL2)		29/2025/TT-BKHCN-PL	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8525.50.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8525.50.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15582), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SP mật mã dân sự XK, NK theo giấy phép (211/2025/NĐ-CP)
SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)
SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.